# 

**ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ DỰ THI**

**CUỘC THI Ý TƯỞNG KHỞI NGHIỆP XANH V2WORK**

**D3.4.2 CUỘC THI Ý TƯỞNG KHỞI NGHIỆP QUỐC GIA**

**T3.4 MẠNG LƯỚI CÁC TRUNG TÂM HƯỚNG NGHIỆP V2WORK**

**WP3 TĂNG CƯỜNG THỂ CHẾ CÁC TRUNG TÂM HƯỚNG NGHIỆP**

**ĐỀ ÁN ĐƯỢC VIẾT BẰNG TIẾNG ANH & TIẾNG VIỆT**

**KHỞI NGHIỆP XANH!**

**TÊN ĐỀ ÁN: .............................................**

**TÊN ĐỘI DỰ THI: .........................................**

**TRƯỜNG: ……………….**

**NGƯỜI LIÊN HỆ Ở TRUNG TÂM HƯỚNG NGHIỆP/HỖ TRỢ VIỆC LÀM TẠI TRƯỜNG: …………..**

**A. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên và thông tin của các thành viên tham gia:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| HỌ TÊN | SINH VIÊN ĐẠI HỌC? | CHƯƠNG TRÌNH CẤP BẰNG | SINH VIÊN KHÓA? |
| SAU ĐẠI HỌC? | NĂM TỐT NGHIỆP? |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Thông tin liên lạc của đội trưởng (người sẽ trình bày đề án trong Cuộc thi khởi nghiệp xanh tại Thành phố Hồ Chí Minh)**

**3.1. Họ và tên: ....................**

**3.2. MSSV: ..................**

**3.3. Trường đang học:**

**3.4. Khoa/Viện: .....................**

**3.5. Ngành: ..........................**

**3.6. Lớp: ...............**

**3.7. Điện thoại: ................**

**3.8. Email: ...................**

**B. MÔ TẢ CHI TIẾT VỀ Ý TƯỞNG KHỞI NGHIỆP XANH**

**1. Mục tiêu của đề án (5%/tổng số điểm)**

**1.1. Mục tiêu tổng quát: ... (1/2 trang đến 3 trang)**

**1.2. Sản phẩm/dịch vụ dự kiến: .... (nêu rõ dạng sản phẩm, thông số kỹ thuật đặc trưng của sản phẩm hoặc dịch vụ)**

**2. Tính cấp thiết, tình hình sản phẩm trên thị trường (20%/tổng số điểm)**

*Phân tích về tính cấp thiết, tình hình sản phẩm/dịch vụ trên thị trường với tối đa 1000 từ, sử dụng hình ảnh và dữ liệu cần thiết để hỗ trợ mô tả.*

*Nêu bật tính cấp thiết của việc ra đời của sản phẩm/dịch vụ sáng tạo (10%)*

*Phân tích tình hình sản phẩm/dịch vụ trên thị trường, sự tồn tại và khả năng đáp ứng của các sản phẩm đối với nhu cầu của xã hội. (10%)*

**3. Tính sáng tạo - tính mới của sản phẩm/dịch vụ, khả năng đáp ứng nhu cầu của người sử dụng (25%/tổng số điểm)**

*Phân tích về tính sáng tạo, tính mới của sản phẩm/dịch vụ và khả năng đáp ứng đối tượng sử dụng với tối đa 2000 từ, sử dụng hình ảnh và dữ liệu cần thiết để hỗ trợ mô tả.*

***3.1. Tính mới, tính sáng tạo: (15%)***

***- Tính kế thừa****: Cần nêu rõ những đóng góp riêng của đề án trong việc phát triển sản phẩm/dịch vụ.*

***- Tính mới, tính sáng tạo****: Nêu bật tính sáng tạo và tính mới của sản phẩm/dịch vụ so với những sản phẩm tương tự hoặc hướng tới cùng đối tượng sử dụng. Những đặc thù nổi trội của sản phẩm/dịch vụ là gì? Nêu rõ những đột phá về mặt công nghệ và dịch vụ của sản phẩm/dịch vụ.*

***3.2. Tính phù hợp: (10%)***

***- Đối tượng sử dụng****: Nêu rõ đối tượng sử dụng sản phẩm/dịch vụ.*

***- Khả năng đáp ứng****: Các tính năng của sản phẩm/dịch vụ có thể đáp ứng đối tượng sử dụng như thế nào?*

**4. Nội dung thực hiện (15%/tổng số điểm)**

*Nêu bật nội dung cần triển khai để chế tạo sản phẩm hoặc thiết lập dịch vụ với tối đa 2000 từ, sử dụng hình ảnh và dữ liệu cần thiết để hỗ trợ mô tả. Liệt kê các nội dung chính cần được thực hiện, mô tả nội dung và sản phẩm/dịch vụ cần đạt được của mỗi nội dung. Các nội dung cần mạch lạc và liên kết với nhau để xây dựng sản phẩm/dịch vụ tổng thể.*

**Nội dung 1: (Mô tả nội dung chi tiết, phương thức kỹ thuật cần thực hiện, yêu cầu để đạt được sản phẩm/dịch vụ. Cung cấp các hình ảnh, công thức, sơ đồ cần thiết để thể hiện rõ nội dung dự kiến thực hiện.)**

**Nội dung 2: ...**

**Nội dung 3: ...**

**5. Tự đánh giá đề án dựa trên phân tích SWOT (10%/tổng số điểm)**

*Đánh giá các Điểm mạnh, Điểm yếu, Cơ hội và Thách thức khi triển khai đề án theo mô hình SWOT bên dưới với tối đa 500 từ (10%).*

*Dùng đúng thuật ngữ, phân tích chính xác các yếu tố liên quan theo khái niệm của SWOT*

|  |  |
| --- | --- |
| ***STRENGTHS (điểm mạnh)*** | ***WEAKNESSES (điểm yếu)*** |
| ***OPPORTUNITIES (cơ hội)*** | ***THREATS (thách thức)*** |

**6. Chi phí để cải tiến/ đổi mới sản phẩm (15%/tổng số điểm)**

Dự trù kinh phí cho việc cải tiến/đổi mới sản phẩm/dịch vụ. Bảng dưới đây thể hiện các hạng mục dự trù chi cho mỗi sản phẩm/dịch vụ sau cải tiến.

So sánh giá thành sản phẩm trước và sau cải tiến. Dự trù kinh phí hợp lý là một căn cứ quan trọng để Ban tổ chức lựa chọn tài trợ cho đề án.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chi** | **Thành tiền** |
| 1 | Chi phí phần mềm |  |
| 2 | Chi phí lắp đặt thêm trang thiết bị |  |
| 3 | Chi phí khác |  |
| **..** | **..........** | **................** |
|  | **Tổng cộng** |  |

**7. Video giới thiệu về ý tưởng sản phẩm (10% của điểm số cuối cùng)**

Làm một Video từ 2- 3 phút để mô tả/ mô phỏng ý tưởng đổi mới sản phẩm.

**8. Xác nhận**

Tôi ủy quyền cho dự án V2WORK công bố bản video và hình ảnh/video của tôi trong suốt cuộc thi trên trang web và các phương tiện của dự án.

* CÓ
* KHÔNG

Họ tên của người đại diện đội thi:

Chữ ký: